TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 10 năm 2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Huỳnh Quan Lộc**;

2/ Bà **Võ Thị Trâm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Ngọc T**, sinh năm: 1985 (có mặt); địa chỉ: Số a, ấp Y, xã N, huyện HT, tỉnh TN.

- *Bị đơn:* Anh **Kiều Văn P**, sinh năm: 1980 (vắng mặt); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số b, ấp H, xã A, huyện P, tỉnh BT; nơi ở hiện nay: Số a, ấp Y, xã N, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 của nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Ngọc T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T trình bày:

Chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Kiều Văn P chung sống với nhau từ năm 2013, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh BT. Trong quá trình chung sống, do hai vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc vì chồng chị đi làm về không có phụ tiền giúp vợ, chồng không biết lo cho gia đình nên vợ chồng cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân khoảng 12 tháng. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh

phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Kiều Văn P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn – anh Kiều Văn P trình bày, thể hiện như sau:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, anh vẫn còn thương vợ và anh mong muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, vợ chồng anh sống chung nhà nhưng đã sống ly thân khoảng 08 tháng. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T, cho anh có thời gian khoảng từ 3 đến 4 tháng để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc T đối với anh Kiều Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] *Về thủ tụng tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Chị Huỳnh Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc ly hôn của chị; anh Kiều Văn P có địa chỉ tạm trú tại số a, ấp Y, xã N, huyện HT, tỉnh TN là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Kiều Văn P là bị đơn trong vụ án vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[**2**] *Về nội dung vụ án:*

Chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Kiều Văn P tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2013, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh BT; đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, chị T trình bày cuộc sống chung của anh chị phát sinh mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình, anh P không biết lo cho gia đình, anh chị bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc cho nên anh chị cũng đã sống ly thân khoảng 8 tháng; anh P cho rằng anh chị không có mâu thuẫn, anh vẫn còn thương chị T, anh cũng xác định thời gian ly thân như chị T trình bày là có thật, anh không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P là có cơ sở, được quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh P không yêu cầu giải quyết.

[**3**] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[**4**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với anh Kiều Văn P, giữa chị T và anh P không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh P không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012173 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp xong án phí.

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG MỸ HUYỀN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).